

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Lã Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985.

HKTT: Khu 3, thị trấn K, huyện B, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1987.

HKTT: Khu 3, thị trấn K, huyện B, tỉnh H.

Hiện không rõ nơi cư trú.

(Tại phiên tòa: Có mặt anh H, vắng mặt chị A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn- anh Phạm Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Vân A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn lần 2 ngày 10/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện B, tỉnh H.

Sau khi kết hôn lần 1 năm 2008, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại khu 3, thị trấn K, quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên năm 2009 Tòa án nhân dân huyện B đã giải quyết ly hôn, năm 2010 vợ chồng làm thủ tục kết hôn lại, tuy nhiên quá trình chung sống mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, năm 2015, anh viết đơn ly hôn, chị Vân A đã ký nhưng sau đó anh, chị không nộp

đơn đến Tòa án. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng vào đầu năm 2017 khi có một số người đến đòi tiền thì anh và gia đình mới biết chị Vân A đã tự ý vay mượn tiền của nhiều người. Khi anh yêu cầu chị Vân A giải trình về các khoản vay, mục đích sử dụng tiền vay thì chị Vân A không giải thích được, sau đó chị Vân A bỏ nhà đi không quay lại chung sống cùng anh nữa. Anh và gia đình phải lo liệu trả một số nợ của người thân thay cho chị Vân A. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, anh không biết chị Vân A làm gì, ở đâu. Trong thời gian ly thân chị Vân A chỉ liên lạc qua mạng xã hội để nói chuyện với các con, cố tình giấu không cho anh biết địa chỉ nơi chị đang cư trú.

Anh xác định không còn tình cảm, lòng tin với chị Vân A, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân A.

Anh và chị Vân A có hai con chung: Phạm Anh Q, sinh ngày 30/10/2010 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 11/01/2013 hiện đang ở cùng anh. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị Vân A không hề có trách nhiệm gì với các con. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con. Anh cam kết đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị Vân A vắng mặt tại nơi cư trú, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh H chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Vân A vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Phạm Anh Q, sinh ngày 30/10/2010 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 11/01/2013 đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vân A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trước khi bỏ đi, bị đơn - chị Nguyễn Thị Vân A cư trú tại khu 3, thị trấn K, huyện B, tỉnh H. Trong thời gian ly thân chị Vân A vẫn liên lạc với các con qua mạng xã hội nhưng chị không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay cho anh H biết. Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định chị Nguyễn Thị Vân A có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất, nhập cảnh trong ngày 01/5/2015 qua cửa khẩu Móng Cái bằng giấy thông hành. Do vậy, có căn cứ xác định chị Vân A đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam và nơi cư trú cuối cùng của chị là thị trấn K, huyện B, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện B thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con của anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho chị Vân A không thực hiện được bằng phương thức trực tiếp; việc niêm yết công khai không đảm bảo cho bị đơn nhận được thông tin về văn bản cần cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 173, Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vân A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị Vân A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện B, tỉnh H ngày 10/12/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cụ thể: Trước khi đăng ký kết hôn lần 2 (năm 2010) thì năm 2009, anh H, chị Vân A đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Sau khi kết hôn lại năm 2010, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn; năm 2015 anh, chị đã thống nhất ký vào đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó không nộp đến Tòa án. Đầu năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, chị Vân A bỏ nhà đi không chung sống cùng anh H, không có trách nhiệm với các con, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thỉnh thoảng chị Vân A thông tin, liên lạc với các con qua mạng xã hội, chị cố tình giấu địa chỉ, không cung cấp nơi cư trú hiện nay cho anh H và gia đình anh biết.

Anh H xác định không còn tình cảm, lòng tin với chị Vân A, anh kiên quyết xin ly hôn, kể cả trường hợp chị Vân A trình bày quan điểm xin đoàn tụ cũng không bao giờ anh chấp nhận.

Xét mâu thuẫn giữa anh H và chị Vân A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H ly hôn chị Vân A phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Huy, chị Vân A có hai con chung là Phạm Anh Q, sinh ngày 30/10/2010 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 11/01/2013, hiện đang ở cùng anh H. Anh H xin được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng. Hiện anh H đang làm công nhân ở gần nhà, thu nhập ổn định, trung bình khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Anh và hai con ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh, nơi ở tiện nghi, đảm bảo điều kiện để hai con có môi trường sống, học tập tốt nhất. Bên cạnh đó bố con anh còn nhận được sự hỗ trợ về mọi mặt của ông, bà nội các cháu.

Thực tế, từ khi chị Vân A bỏ đi, các con chung do anh H nuôi dưỡng đảm bảo phát triển tốt về thể chất và tinh thần; hiện tại chị Vân A không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ nơi cư trú. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao cả hai con chung cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Vân A.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Phạm Anh Q, sinh ngày 30/10/2010 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 11/01/2013 (hiện đang ở cùng anh H) đến khi mỗi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vân A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004684 ngày 10/12/2020.

4- Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên